

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA LUẬT

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	LUẬT NGÂN HÀNG			
Mã học phần:	71LAWS40322		Số tin chỉ:	02
Mã nhóm lớp học phần:	71K29LUAT01, 71K29LUAT02, 71K29LUAT03, 71K29LUAT04, 71K28LUKT01, 71K28LUKT02, 71K28LUKT03, 71K28LUKT04, 71K28LUKT05, 71K28LUKT06			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận		Thời gian làm bài:	60	phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu: <i>SV chỉ được sử dụng tài liệu giấy in</i>		☒ Có	☐ Không	

Cách thức nộp bài PHẦN TỰ LUẬN (Giảng viên ghi rõ yêu cầu): SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO2	Phân tích được các quy định pháp luật về hoạt động ngân hàng và tổ chức tín dụng	TN-TL	40%	8 câu đầu phần TN	4.0	P.I.3.3
CLO3	Áp dụng kiến thức pháp lý để tư vấn, giải quyết những vấn đề pháp lý trong hoạt động ngân hàng	TN-TL	60%	-2 câu cuối phần TN; - 3 câu tự luận	6.0	P.I.5.2

PHẦN TRẮC NGHIỆM (10 câu, 0.5 điểm/câu)

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp loại chứng thư pháp lý nào sau đây?

- A. Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng
- B. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- C. Giấy chứng nhận đầu tư
- D. Giấy phép thành lập tiệm vàng

Ngân hàng nào sau đây được gọi là BIG FOUR của Việt Nam?

- A. BIDV
- B. ACB
- C. VP Bank
- D. HSBC

Căn cứ vào phạm vi hoạt động ngân hàng thì tổ chức tín dụng có mấy loại?

- A. 4
- B. 3
- C. 2
- D. 1

Hợp đồng tín dụng là cơ sở pháp lý xác lập hoạt động ngân hàng nào?

- A. Cho vay
- B. Nhận tiền gửi
- C. Cấp tín dụng
- D. Cung ứng dịch vụ thanh toán

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không thực hiện hoạt động nào sau đây?

- A. Nhận tiền gửi của khách hàng
- B. Phát hành tiền
- C. Nghiệp vụ thị trường mở
- D. Thực hiện chính sách tiền tệ

Tiêu chí để phân loại hệ thống tổ chức tín dụng theo pháp luật Việt Nam là:

- A. Phạm vi hoạt động ngân hàng
- B. Loại hình doanh nghiệp.
- C. Nguồn gốc vốn.
- D. Số lượng chủ sở hữu

Hoạt động nào sau đây KHÔNG là hoạt động ngân hàng?

- A. Kinh doanh bảo hiểm
- B. Nhận tiền gửi
- C. Cấp tín dụng
- D. Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản

Chủ thẻ debit card có mối quan hệ như thế nào với ngân hàng phát hành thẻ?

- A. Chủ nợ
- B. Chủ ngân hàng
- C. Đối tác
- D. Khách hàng

Câu nhận định nào sau đây là SAI:

- A. Tổ chức tín dụng được thành lập dưới các loại hình doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam.
- B. Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam là thành viên của Chính phủ.

- C. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là ngân hàng trung ương có 100 vốn của nhà nước.
- D. Kiểm soát lạm phát thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Câu nhận định nào sau đây là ĐÚNG:

- A. Tổ chức tín dụng có phạm vi hoạt động ngân hàng khác nhau.
- B. Chỉ có ngân hàng thương mại mới được thực hiện nghiệp vụ cho vay.
- C. Hợp đồng tín dụng là cơ sở pháp lý xác lập quan hệ cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng.
- D. Giấy tờ có giá là giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản.

PHẦN TỰ LUẬN :Anh, Chị hãy trả lời các câu hỏi sau đây?

Câu 1 (2.0 điểm): Quy trình pháp lý ra đời của một tổ chức tín dụng như thế nào?

Câu 2 (1 điểm): Tổ chức tín dụng có tư cách pháp lý như thế nào theo pháp luật Việt Nam?

Câu 3 (2.0 điểm): Trình bày khái quát nghiệp vụ cho vay của ngân hàng thương mại?

HẾT./.

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		5.0	
Câu 1 – 10	A	0.5	
II. Tự luận		5.0	
Câu 1	Có 3 giai đoạn hình thành ra một TCTD: - xin cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng tại NHNN VN - công bố thông tin trên phương tiện truyền thông đại chúng - lễ khai trương chính thức đi vào hoạt động CSPL: Chương 3 tại Luật Các TCTD 2024	0.5 0.5 0.5 0.5	
Câu 2	- Công ty TNHH MTV - Công ty TNHH 2 thành viên trở lên - Công ty cổ phần - HTX CSPL: Điều 6 Luật các TCTD 2024	0.75 0.25	
Câu 3	- Căn cứ vào có tài sản bảo đảm hay không: cho vay có tài sản bảo đảm hoặc cho vay không có tài sản bảo đảm; - Căn cứ vào thời hạn: cho vay ngắn hạn (dưới 12 tháng); cho vay trung hạn (từ 12 tháng đến dưới 60 tháng); cho vay dài hạn (trên 60 tháng)	1.0 1.0	
Điểm tổng		10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



Trần Minh Toàn (đã duyệt)

Phan Thy Tuong Vi